

THÔNG TƯ

***Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ
về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế***

*Thi hành Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế,
Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:*

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế là hành vi do tổ chức, cá nhân vi phạm những quy định của các Luật thuế, Pháp lệnh về thuế, những quy định về lập chứng từ mua bán hàng hoá, mở và ghi sổ kế toán, những quy định về các khoản thu phí, lệ phí và các quy định hiện hành về các khoản thu khác của Ngân sách Nhà nước nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, phải bị xử phạt hành chính.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

2.1) Mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

2.2) Tổ chức, cá nhân nước ngoài nếu có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì thực hiện theo điều ước đã ký.

3. Cơ quan thu thuế theo quy định tại Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 bao gồm cơ quan thuế và cơ quan Hải quan (đối với thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu).

4. Nguyên tắc hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

4.1) Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo Điều 3 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 6/7/1995.

4.2) Hình thức xử phạt chính:

Cảnh cáo.

Phạt tiền.

Trường hợp áp dụng hình thức phạt tiền đối với tổ chức, cá nhân có nhiều hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trong một lần phát hiện, kiểm tra thì xử phạt về từng hành vi vi phạm, sau đó tổng hợp các mức phạt bằng tiền.

Ngoài việc áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

5. Các tình tiết giảm nhẹ khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại.

6. Các tình tiết tăng nặng khi xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

6.1) Tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần.

6.2) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, dịch hoạ để vi phạm.

6.3) Vi phạm trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt. 6.4) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che dấu vi phạm.

7. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

7.1) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế bị phát hiện đã quá thời hiệu xử phạt quy định tại Điều 12 của Nghị định số 22/CP (được tính là 2 năm trở về trước, kể từ ngày hành vi vi phạm bị phát hiện). Riêng đối với các hành vi khai man, trốn các loại thuế thì thời hiệu xử phạt được xác định theo quy định tại các Luật thuế, Pháp lệnh thuế.

Quá thời hạn 3 tháng, kể từ ngày có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án đối với cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án.

Trong thời hiệu xử phạt, nếu tổ chức, cá nhân có vi phạm mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng các thời hiệu trên và sẽ bị xử phạt đối với mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế bị phát hiện.

7.2) Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế mà theo quy định của Pháp luật có dấu hiệu của tội phạm và cơ quan thuế đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

7.3) Người chưa đủ tuổi thành niên có hành vi vi phạm hành chính về thuế sẽ áp dụng theo điều 6 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995.

7.4) Người có hành vi vi phạm hành chính về thuế trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình.

II. NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM, MỨC XỬ PHẠT:

Căn cứ quy định tại điều 1, 2, 3, 4, 5 chương I Nghị định số 22/CP ngày 17 tháng 4 năm 1996 của Chính phủ, những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hình thức và mức phạt cụ thể như sau:

1. Hành vi vi phạm về thủ tục đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, kê khai lập sổ kế toán và giữ chứng từ hoá đơn liên quan đến việc tính thuế, thu thuế, nộp thuế.

1.1. Vi phạm lần đầu phạt cảnh cáo, nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng. Nếu có tình tiết tăng nặng thì phạt tiền đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Vi phạm quy định về đăng ký kinh doanh; đăng ký nộp thuế, kê khai với cơ quan thuế quá thời hạn quy định trong các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện các luật thuế, pháp lệnh thuế, lệ phí và các khoản thu nộp khác của Ngân sách Nhà nước.

b) Khai không đủ các khoản mục quy định trong các tờ khai nộp thuế hay trong các tài liệu kế toán cung cấp cho cơ quan thuế.

1.2. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 200.000 đồng đối với vi phạm lần đầu. Nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

Thực hiện không đầy đủ chế độ quản lý, sử dụng hoá đơn bán hàng theo quy định của Nhà nước.

Ghi không đầy đủ các yếu tố theo quy định của từng mẫu hoá đơn, biên lai và các mẫu ấn chỉ thuế khi xuất hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng.

1.3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 6.000.000 đồng, nếu có từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không xuất trình sổ kế toán, chứng từ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan thuế.
 - b) Không nộp tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán cho cơ quan thu thuế trong thời hạn quy định của các văn bản hiện hành hướng dẫn thực hiện pháp luật về thuế và các văn bản pháp luật về các khoản thu Ngân sách Nhà nước.
 - c) Thực hiện không đầy đủ hoặc không thực hiện chế độ kế toán theo quy định của Pháp lệnh kế toán thống kê.
 - d) Vận chuyển hàng hoá không kèm theo các hồ sơ về quy định cho từng đối tượng kinh doanh (sổ mua hàng, chứng từ, giấy tờ hợp lệ khác)
- 1.4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 phạt tiền đến 13.000.000 đồng, nếu có tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

Cố ý không nộp các tờ khai nộp thuế, báo cáo kế toán và các giấy tờ khác cho cơ quan thu thuế theo quy định của Pháp luật.

Hành vi cố ý là sau khi hết hạn nộp các loại giấy tờ trên, cơ quan thu thuế gửi giấy báo lần thứ nhất yêu cầu nộp những tài liệu trên. Quá 10 ngày kể từ ngày gửi thông báo lần thứ nhất nếu cơ sở vẫn không nộp, cơ quan thuế gửi thông báo lần thứ 2. Nếu sau 10 ngày cơ sở vẫn không nộp, cơ quan thu thuế được áp dụng các mức phạt quy định tại điểm này.

Bán hàng không lập hoá đơn giao cho khách hàng theo quy định của Nhà nước.

Tổ chức cá nhân mua, sử dụng các loại hoá đơn, biên lai không phải do Bộ Tài chính phát hành hoặc không cho phép sử dụng.

Làm mất hoặc để người khác lợi dụng hoá đơn của mình để làm ăn phi pháp, trốn thuế.

1.5. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt đến 15.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

Hủy bỏ chứng từ, sổ, báo cáo kế toán liên quan đến việc tính thuế, thu thuế khi chưa hết thời hạn bảo quản và lưu giữ theo quy định.

Làm hư hỏng chứng từ, sổ, báo cáo kế toán liên quan đến việc tính thuế, thu thuế đến mức không phục chế lại được (không đọc được, không sao chụp lại được).

2. Hành vi khai man trốn thuế:

Tổ chức, cá nhân có hành vi khai man, trốn thuế được quy định tại các Luật thuế hiện hành và Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi), ngoài việc phải nộp đủ số tiền do khai man, trốn thuế còn bị phạt tiền theo số lần mà từng Luật thuế, Pháp lệnh thuế tài nguyên (sửa đổi) đã quy định.

Tổ chức, cá nhân có hành vi khai man, trốn các loại thuế khác ngoài các loại thuế trên phải nộp đủ số thuế khai man, trốn thuế và bị xử phạt tiền theo số lần thuế đã khai man, trốn thuế theo các mức quy định dưới đây, nhưng mức phạt tối đa không quá 100.000.000 đồng:

2.1. Phạt bằng số tiền thuế trốn, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm) thì bị phạt đến 2 lần số tiền thuế trốn đối với một trong các hành vi sau:

- a) kê khai sai căn cứ tính thuế theo quy định của từng loại thuế.
- b) Lập sổ kế toán, hoá đơn chứng từ sai với thực tế phát sinh.
- c) Để ngoài sổ số liệu kế toán hoặc hạch toán không đúng tài khoản quy định làm cho việc xác định căn cứ tính thuế sai lệch với thực tế.
- d) Xin tạm nghỉ kinh doanh để được giảm, miễn thuế nhưng thực tế vẫn kinh doanh.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có các hành vi vi phạm quy định tại điểm 2.1 này, nếu bị phát hiện trước thời điểm đối tượng vi phạm phải quyết toán thuế hoặc phải nộp đủ thuế theo quy định của pháp luật thì không áp dụng các mức xử phạt quy định tại điểm 2.1 này mà chuyển sang áp dụng các mức phạt quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996.

2.2. Phạt tiền 2 lần số tiền thuế trốn lậu, nếu có tình tiết tăng nặng (trừ trường hợp đã bị xử lý về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm) thì bị phạt đến 3 lần số thuế trốn đối với hành vi vi phạm sau:

a) Hàng hoá vận chuyển không có đầy đủ hồ sơ chứng minh hàng đã nộp thuế hoặc hàng đã được cơ quan thuế quản lý theo quy định cho từng đối tượng kinh doanh.

Hành vi vi phạm nêu tại điểm này chỉ coi là hành vi khai man trốn thuế, nếu sau khi cơ quan thuế qua kiểm tra thấy còn nghi vấn và cho phép đối tượng có hành vi vi phạm một thời hạn đi lại để thu thập đầy đủ hồ sơ hợp lệ chứng minh lô hàng đã nộp thuế (đối với hàng hoá mua bán, trao đổi) hoặc đã được cơ quan thuế quản lý (đối với hàng hoá chuyên kho trong cùng một đơn vị), nhưng đối tượng vi phạm vẫn không xuất trình đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp trong thời hạn cơ quan thuế cho phép, đối tượng vi phạm đã trình đầy đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế có thẩm quyền xử phạt chỉ có thể ra quyết định xử phạt theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 2 Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996.

Trường hợp chủ hàng không chấp hành quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc quá thời hạn một ngày đối với hàng là thực phẩm tươi sống, 5 ngày đối với các hàng hoá khác kể từ khi có quyết định xử lý mà chủ hàng không đến nộp thuế, nộp phạt để nhận lại hàng, cơ quan thuế chuyển sang cơ quan tài chính đồng cấp, từ cấp huyện trở lên để thành lập hội đồng bán đấu giá số hàng hoá tạm giữ để thực hiện cưỡng chế.

b) Kinh doanh không kê khai, đăng ký với cơ quan thuế.

c) Giả mạo hoá đơn bán hàng, chứng từ thu tiền, biên lai thuế, giấy trích vận chuyển hàng hoá và các chứng từ khác có liên quan đến việc tính thuế.

2.3. Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu, nếu vi phạm các điểm quy định tại điểm 2.1, 2.2 mục II Thông tư này thì tuỳ trường hợp vi phạm, mà phạt tiền từ 2 đến 5 lần số thuế trốn lậu theo luật định.

2.4. Trường hợp trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi trốn thuế mà còn vi phạm thì cơ quan thuế chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Pháp luật.

3. Hành vi vi phạm chế độ thu nộp tiền thuế, tiền phạt:

3.1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt tiền từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 3.000.000 đồng, nếu vi phạm từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Không nhận thông báo thu thuế, lệnh thu thuế, quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế trong trường hợp cơ quan thuế trực tiếp giao.

Khi cán bộ thu thuế trực tiếp giao thông báo nộp thuế, lệnh thu thuế hoặc quyết định xử phạt về thuế cho đối tượng nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm mà đương sự không nhận, thì cơ quan thuế mời người làm chứng và lập biên bản vi phạm hành chính, ghi rõ lý do để làm căn cứ xử phạt.

3.2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 phạt từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng có thể phạt đến 5.000.000 đồng, nếu vi phạm từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

Nộp chậm tiền thuế hoặc tiền phạt ghi trong thông báo nộp thuế hoặc ghi trong quyết định xử lý vi phạm về thuế của cơ quan thuế.

Những cán bộ thuế, những tổ chức hoặc cán bộ được uỷ nhiệm thu, cán bộ ngân hàng hoặc cán bộ của các tổ chức tín dụng khác do thiếu tinh thần trách nhiệm mà chậm nộp tiền thuế vào Kho bạc cũng bị phạt nộp chậm theo quy định này.

Khi các doanh nghiệp nộp thuế bằng chuyển khoản qua ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng khác và trên tài khoản của các doanh nghiệp này có số dư đủ để nộp thuế, nhưng cơ quan ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng khác chậm trích chuyển tiền nộp thuế từ tài khoản của doanh nghiệp vào tài khoản kho bạc thì cơ quan ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng bị phạt nộp chậm theo quy định này.

Dây đưa nộp thuế, nộp phạt:

Coi là dây đưa nộp thuế, nộp phạt là những trường hợp chậm nộp thuế, nộp phạt quá thời hạn quy định trên thông báo nộp thuế, quyết định xử phạt trên 30 ngày.

3.3. Tổ chức, cá nhân vi phạm những quy định tại điểm 3.2 mục II Thông tư này thì ngoài việc xử phạt theo quy định tại điểm 3.2 mục II nêu trên còn bị phạt mỗi ngày 0,1% số tiền chậm nộp.

4. Hành vi vi phạm chế độ kiểm tra hàng hoá, niêm phong hàng hoá: 4.1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng nếu vi phạm lần đầu; nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng thì phạt đến 3.000.000 đồng, nếu có từ 2 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Không cho cơ quan thuế kiểm tra hàng hoá đang trên đường vận chuyển, kiểm tra kho hàng hoá, nguyên liệu tại nơi sản xuất kinh doanh.

4.2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng nếu vi phạm lần đầu, nếu vi phạm lần 2 thì phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.200.000 đồng, nếu có 1 tình tiết tăng nặng trở lên có thể phạt đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sau:

Tự ý phá niêm phong kho hàng, kho nguyên liệu, máy móc, nhà xưởng trong thời hạn niêm phong của cơ quan thuế.

III. THẨM QUYỀN - THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế:

1.1) Cán bộ thuế đang thi hành công vụ được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 100.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trên địa bàn quản lý của mình.

Trưởng trạm thuế, đội trưởng đội thuế được quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 200.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trên địa bàn quản lý của mình.

1.2) Chi cục trưởng Chi cục Thuế được quyền:

Phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế quy định tại các Điều 2, 4, 5 của Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Phạt tiền bằng số tiền thuế trốn đối với hành vi khai man, trốn thuế.

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế giá trị đến 10.000.000 đồng.

1.3) Cục trưởng Cục Thuế được quyền:

Phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm hành chính trên địa bàn quản lý của mình trong lĩnh vực thuế quy định tại các Điều 2, 4 và 5 của Nghị định số 22/CP ngày 17/4/1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Phạt đến 5 lần số tiền thuế trốn đối với các hành vi khai man, trốn thuế theo đúng quy định của từng Luật thuế, Pháp lệnh thuế hiện hành.

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.

Cơ quan thu thuế các cấp là cơ quan có thẩm quyền xử phạt mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế trong phạm vi quyền hạn của mình. Nếu thấy vụ việc vượt quá thẩm quyền của mình thì phải chuyển cho cấp có thẩm quyền giải quyết. Nếu